

Mã số hồ sơ: .....

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Giáo sư ; Phó giáo sư

Đối tượng: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Khoa học đất



A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Trần Minh Tiến**

2. Ngày tháng năm sinh: 27/09/1974; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng CSVN:

4. Quê quán: Xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Nhà 1401 A3, Làng Quốc tế Thăng Long, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Trần Minh Tiến, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 024 38385685; Điện thoại di động: 0912 315399

Địa chỉ E-mail: [tranminhtien74@yahoo.com](mailto:tranminhtien74@yahoo.com)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1996 - 2004	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	Nghiên cứu viên
2004 - 2005	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	Phó trưởng Phòng Nghiên cứu Phát sinh học và Phân loại đất
2005 - 2006	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	Quyền trưởng Phòng Phân tích Trung tâm
2006 - 2009	Đại học Copenhagen, Đan Mạch	Nghiên cứu sinh
2010 - 7/2014	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	Trưởng Bộ môn Phát sinh học và Phân loại đất
7/2014 - nay	Viện Thổ nhưỡng Nông hóa	Phó Viện trưởng

Chức vụ hiện nay: Phó Viện trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 38362379; Fax: 024 38389924

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học/sau đại học:

- Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
- Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội
- Đại học Công nghiệp Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm ..... Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối:

- Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
- Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- Đại học Công nghiệp Hà Nội

9. Hiện nay là: Giảng viên ; Nghiên cứu viên ; Cán bộ quản lý ; Công tác khác ; Hưu trí

10. Học vị:

- Được cấp bằng Đại học ngày 24 tháng 01 năm 1996, ngành: Quản lý đất đai, chuyên ngành: Quản lý đất đai.  
Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam), Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 02 tháng 08 năm 2004, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Khoa học Đất.  
Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 18 tháng 01 năm 2010, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Khoa học Đất (Đất và dinh dưỡng cây trồng).  
Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Đại học Copenhagen, Đan Mạch.

11. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng ..... năm .....; ngành:.....

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS cơ sở: Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

13. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

14. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- 1) Đánh giá đất đai và hiệu quả sử dụng đất.
- 2) Độ phì nhiêu đất và các yếu tố hạn chế độ phì nhiêu trong đất.
- 3) Sử dụng phân bón, các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng phân bón.

15. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã tham gia hướng dẫn 04 NCS (01 hướng dẫn chính và 03 hướng dẫn phụ), trong đó có 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS. Đã hướng dẫn 08 HVCH, trong đó 7 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã chủ trì hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 01 đề tài KHCN cấp Bộ và 04 đề tài KHCN cấp Tỉnh;
- Đã công bố 46 bài báo KH trong nước và 18 bài báo KH ở ngoài nước, trong đó có 08 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín. Đã biên soạn 01 sách tham khảo và tham gia biên soạn 04 sách (01 giáo trình, 01 sách tham khảo và 02 sách hướng dẫn) đã được xuất bản.

Các công trình khoa học tiêu biểu:

- 1) Tran M.T, Vu T.K.V, Sommer S.G, Jensen L.S (2011). Nitrogen turnover and loss during storage of slurry and composting of solid manure under typical Vietnamese farming conditions. Journal of Agricultural Science 149, 285-296 (ISSN 0021-8596).
- 2) Tien Minh Tran, Hien Huy Bui, Jesper Luxhoi, Lars Stoumann Jensen (2012). Application rate and composting method affect the immediate and residual manure fertilizer value in a maize-rice-rice-maize cropping sequence on a degraded soil in Northern Vietnam. Soil Science and Plant Nutrition 58, 206-223 (ISSN 0038-0768).
- 3) Tien Minh Tran, Jesper Luxhoi, Lars Stoumann Jensen (2013). Turnover of manure <sup>15</sup>N-labelled ammonium during composting and soil application as affected by lime and superphosphate addition. Soil Science Society of America Journal 77, 190-201 (ISSN 0361-5995).
- 4) Sách tham khảo (2016): Tài nguyên đất nông nghiệp vùng Tây Bắc Việt Nam và vấn đề sử dụng, 143 trang. Chủ biên: Trần Minh Tiên; Các tác giả: Lương Đức Toàn, Trần Thị Minh Thu, Hoàng Trọng Quý, Nguyễn Văn Đạo, Lê Như Kiều, Hồ Quang Đức, Nguyễn Văn Bộ. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội (ISBN 978-604-60-2350-0).
- 5) Trần Minh Tiên, Bùi Hải An, Nguyễn Văn Bộ (2019). Xây dựng thang đánh giá độ phì nhiêu tầng đất mặt trồng lúa. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 7, tr 3-8 (ISSN 1859-4581).

16. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Huân chương Lao động hạng 2 của nước CHDCND Lào (QĐ số 1422/TT-SY, ngày 05/10/2012).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT năm 2012 (QĐ số 963/QĐ-BNN ngày 03/5/2013).
- Huy hiệu “Vì thế hệ trẻ” của TW Đoàn TNCS HCM (QĐ số 158 QĐ/TWĐTN ngày 23/3/2015).
- Bằng khen của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (QĐ số 945/QĐ LHVN ngày 05/12/2016).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2016 (QĐ số 2937/QĐ-BNN-TCCB ngày 06/7/2017).
- Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam năm 2016 (QĐ số 209 ngày 21/7/2017).
- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” (QĐ số 2249/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/6/2018).

17. Kỷ luật: Không

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Đã có bằng Tiến sĩ trên 09 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, ngày 5 tháng 7 năm 2019; văn bằng phù hợp với ngành chuyên môn đăng ký;
- Đã có 07 năm liên tục tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên;
- Đã hướng dẫn 02 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, và 07 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn cao học có chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký xét chức danh;
- Đã công bố 46 bài báo khoa học trong nước và 18 bài báo khoa học ở ngoài nước (trong đó có 08 bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín); tham gia viết 05 cuốn sách (chủ biên của 01 cuốn); đã chủ trì và tham gia hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 05 đề tài KHCN cấp Bộ, 10 đề tài KHCN cấp Tỉnh (trong đó là chủ trì của 01 đề tài cấp Nhà nước, 01 đề tài cấp Bộ và 04 đề tài cấp Tỉnh), ngoài ra còn tham gia nhiều đề tài, dự án nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước khác.
- Đã tham gia giảng dạy đại học, cao học và nghiên cứu sinh môn: Khoa học đất; Phân loại, phân hạng và đánh giá đất; Ứng dụng viễn thám trong nghiên cứu thổ nhưỡng; Hệ thống thông tin đất; Phân loại và xây dựng bản đồ đất; Đánh giá đất nâng cao; Nông nghiệp hữu cơ; Mô hình lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường đất; Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường; cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam và Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội.

### 2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Đã có 7 năm thâm niên đào tạo và giảng dạy, số lượng và thời gian tham gia đào tạo tính đến ngày hết hạn hồ sơ, như sau:

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án tốt nghiệp ĐH (tiết)	Giảng dạy (tiết) (*)	
		Chính	Phụ			ĐH	SDH
1	2012-2013		2			14	105
2	2013-2014		2		135		135
3	2014-2015	1	3		90	54	
4	2015-2016	1	2	3	90		
Thâm niên 3 năm cuối							
5	2016-2017	1	2	1	150	45	54
6	2017-2018	1	2	1	150	45	33
7	2018-2019	1	1	2	75	45	33

Ghi chú (\*): Số tiết giảng dạy đã quy đổi sang giờ dạy chuẩn

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học Đại học ; Tại nước:
- Bảo vệ luận án Tiến sĩ ; Tại nước: Đan Mạch; Năm: 2010.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Nơi giảng dạy: Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS:

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
<i>I Hướng dẫn Nghiên cứu sinh làm luận án Tiến sĩ</i>								
1	Phạm Thế Trịnh	X			X	2011-2014	Học viện Nông nghiệp Việt Nam (VNUA)	2015
2	Bùi Thị Phương Loan	X			X	2012-2016	Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS)	2019
3	Nguyễn Văn Ga	X		X		2014-2018	VAAS	-
4	Trần Thị Minh Thu	X			X	2014-2018	VAAS	-
<i>II Hướng dẫn Học viên cao học làm luận văn Thạc sĩ (đã bảo vệ thành công)</i>								
1	Trần Hợp Minh Nghĩa		X	X		2015	VAAS	2016
2	Nguyễn Thị Huân		X	X		2016	Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG Hà Nội (HUS)	2016
3	Phùng Thị Mỹ Hạnh		X	X		2016	VNUA	2016
4	Đỗ Trọng Thăng		X	X		2016	VNUA	2017
5	Đinh Văn Hà		X	X		2017	VNUA	2017

6	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	X	X		2018	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (HUNRE)	2019
7	Nguyễn Anh Minh	X	X		2018	HUNRE	2019

*Ghi chú (-): Chưa bảo vệ luận án, luận văn*

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MN hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<i>I</i>	<i>Trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ:</i>					
1	Phương pháp phân tích đất - Cẩm nang sử dụng đất nông nghiệp, tập 7	HD	NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 2009	6	Biên soạn Chương 1,3,4 và 6	QĐ số 404/QĐ-KHNN
<i>II</i>	<i>Sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ:</i>					
1	Môi trường chăn nuôi - Quản lý và sử dụng chất thải chăn nuôi hiệu quả và bền vững	GT	NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội 2013	8	Biên soạn Chương 6,7 và 8	Giấy xác nhận sử dụng sách của Viện Chăn nuôi
2	Cẩm nang Sản xuất lúa thông minh	HD	NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2014	5	Biên soạn Chương 3	QĐ số 404/QĐ-KHNN
3	Tài nguyên đất nông nghiệp vùng Tây Bắc Việt Nam và vấn đề sử dụng	TK	NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2016	8	Chủ biên	QĐ số 404/QĐ-KHNN
4	Bón phân cho cà phê	TK	NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2017	6	Tham gia biên soạn Phần 2	QĐ số 404/QĐ-KHNN

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Nghiên cứu đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao độ phì nhiêu của đất lúa nhằm nâng cao năng suất và phát triển sản xuất lúa theo hướng bền vững ở Yên Bai	CN	Đề tài cấp Tỉnh	2011-2012	3/5/2013

2	Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất nông nghiệp vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam	CN	Đề tài độc lập cấp Nhà nước ĐTDL.2011-G/64	2011-2014	3/10/2015
3	Điều tra, đánh giá tài nguyên đất nông nghiệp để xuất bô trí cơ cấu cây trồng hợp lý tỉnh Hưng Yên	CN	Đề tài cấp Tỉnh	2012-2014	24/3/2015
4	Nghiên cứu biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng lân trên đất xám bạc màu	CN	Đề tài cấp Bộ NN & PTNT	2012-2014	31/8/2015
5	Nghiên cứu, đánh giá tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng chính có hiệu quả tại tỉnh Nam Định	CN	Đề tài cấp Tỉnh	2015-2016	22/2/2017
6	Đánh giá thực trạng mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản và xác định ảnh hưởng của đất, nước tưới đến mức độ an toàn nông sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	CN	Đề tài cấp Tỉnh	2015-2016	

Ghi chú: CN: Chủ nhiệm

7. Kết quả NCKH đã công bố (bài báo khoa học và bằng phát minh, sáng chế):

7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
<i>I Trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ:</i>								
1	Đất phù sa có tầng đóm gì Cambic Fluvisols ở đồng bằng Bắc Bộ	2	Tạp chí Khoa học Đất			17	6-10	2003
2	Điều tra phân loại đất theo kiến thức cơ bản của người Thái, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	2	Tạp chí Khoa học Đất			17	37-42	2003
3	Đánh giá đặc điểm đất đai phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	4	Tạp chí Khoa học Đất			21	78-83	2005

4	A survey of manure management on pig farms in Northern Vietnam	3		Livestock Science (IF: 1,20)		112	288-297	2007
5	Nitrogen use efficiency of fresh and composted manure in a maize-rice-rice-maize crop sequence in Northern Vietnam	4	Proceedings of the 16th Nitrogen Workshop “Connecting different scales of nitrogen use in agriculture”, Turin, Italy				369-370	2009
<i>II Sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ:</i>								
6	Nitrogen turnover and loss during storage of slurry and composting of solid manure under typical Vietnamese farming conditions	4		Journal of Agricultural Science (IF: 0,78)		149	285-296	2011
7	Overview of Nitrogen Circulation and Mitigation of Nitrogen Emission from Rice Production in Vietnam	4	Proceedings of International Seminar on Increased Agricultural Nitrogen Circulation in Asia: Technological Challenge to Mitigate Agricultural Nitrogen Emissions, Taipei, Taiwan				115-120	2011
8	Sự thay đổi hàm lượng đạm trong phân lợn qua quá trình lưu trữ phân lồng và ủ phân rắn	4	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			22/1	36-42	2011
9	Application rate and composting method affect the immediate and residual manure fertilizer value in a maize-rice-rice-maize cropping sequence on a degraded soil in Northern Vietnam	4		Soil Science and Plant Nutrition (IF: 0,85)		58	206-223	2012

10	Effect of biogas technology on nutrient flows for small- and medium- scale pig farms in Vietnam	6		Nutrient Cycling in Agroecosystems (IF: 2,10)		94	1-13	2012
11	Phosphorus Use and Management Strategies: Exploring Scenarios of Smallholder's Soil Fertility, Food Production and Livelihood with a Multi-Agent System Model	5	Proceeding of the 6th International Congress on Environmental Modeling and Software – iEMSS 2012. Leipzig, Germany			2140-2147	2012	
12	Nghiên cứu đặc điểm đất, tình hình sử dụng phân bón và đề xuất lượng phân bón phù hợp cho các vùng trồng mía đường huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	4	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			4	16-22	2012
13	Dánh giá thực trạng số lượng và một số tính chất đất xám bạc màu miền Bắc	4	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			24	19-25	2012
14	Turnover of manure <sup>15</sup> N-labelled ammonium during composting and soil application as affected by lime and superphosphate addition	3		Soil Science Society of America Journal (IF: 1,92)		77	190-201	2013
15	Hiện trạng canh tác và hiệu quả sản xuất cà phê trên đất đỏ bazan huyện Krông Năng, tỉnh Đắc Lăk	4	Tạp chí Khoa học và Phát triển			11/5	713-721	2013
16	Đặc điểm các dạng lân ở hai loại hình sử dụng đất chuyên lúa và chuyên rau trên đất xám bạc màu Bắc Giang	2	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			24	12-16	2013
17	Biến động một số tính chất đất trồng lúa vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long	3	Hội thảo Quốc gia về Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng phân bón tại Việt Nam, NXB Nông nghiệp			141-153	2013	

18	Thực trạng số lượng và một số tính chất đất xám bạc màu miền Bắc Việt Nam	3	Hội thảo Quốc gia về Khoa học cây trồng lần thứ nhất, NXB Nông nghiệp				1083-1091	2013
19	Heavy Metals in Agricultural Soil and Using Plants to Clean up Contaminated Soils ( <i>Phytoremediation</i> ) in Vietnam	4	Proceeding of the MARCO-FFTC Joint International Seminar on Management and Remediation Technologies of Rural Soils Contaminated by Heavy Metals and Radioactive Materials. Taichung, Taiwan				169-174	2014
20	Vai trò của kali trong nâng cao phẩm chất nông sản	3	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			9	3-10	2014
21	Hiệu quả kinh tế mô hình trồng xen mắc ca trong vườn cà phê trên đất đỏ bazan tại huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk	3	Tạp chí Khoa học và Phát triển			12/3	422-428	2014
22	Biến động một số yếu tố độ phì nhiêu trong đất phù sa huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	2	Tạp chí Khoa học Đất			43	10-14	2014
23	Ảnh hưởng của trồng xen (mắc ca, tiêu) đến một số tính chất đất đỏ bazan trồng cà phê tại huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk	3	Tạp chí Khoa học Đất			43	46-49	2014
24	Ảnh hưởng của liều lượng và các dạng phân lân đến năng suất và các dạng lân trong đất xám bạc màu Bắc Giang	4	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			50/4	122-128	2014
25	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp vùng Tây Bắc Việt Nam	3	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn				6-15	2014
26	Định hướng phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Bình trên cơ sở đánh giá tài nguyên đất	4	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn				26-32	2014

27	Hiệu lực của canxi, magiê, lưu huỳnh (Ca, Mg, S) bón cho lúa trên đất xám bạc màu	4	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn				50-55	2014
28	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân bón đa lượng đến năng suất lúa trên đất xám bạc màu tại Hiệp Hòa - Bắc Giang	3	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn				56-60	2014
29	Ảnh hưởng của phân bón và vùi phế phụ phẩm đến năng suất lúa, ngô và cân bằng lân và các dạng lân trong đất xám bạc màu Bắc Giang	3	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			17	3-9	2014
30	Yếu tố hạn chế năng suất lúa tại đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long	4	Hội thảo Quốc gia về giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón tại Việt Nam, NXB Nông nghiệp				56-67	2014
31	Impact of terrestrial runoff on organic matter, trophic state, and phytoplankton in a tropical, upland reservoir	11		Aquatic Sciences (IF: 3,62)	78/2	367-379	2015	
32	Manure, biogas digestate and crop residue management affects methane gas emissions from paddy rice fields on Vietnamese small-holder livestock farms	7		Nutrient Cycling in Agroecosystems (IF: 2,10)	103	329-346	2015	
33	Spatially explicit assessment of nutrient demands for promoting efficient regional fertilizer-use management in Vietnam	4	Global Environmental Research		19/1	43-48	2015	
34	Effects of Annual Potassium Dosage on the Yield and Quality of Coffea robusta in Vietnam	1	International Fertilizer Correspondent		41	13-20	2015	
35	Potassium Application and Uptake in Coffee ( <i>Coffea robusta</i> ) Plantation in Vietnam	3	International Fertilizer Correspondent		42	3-9	2015	

36	Regional Assessment of Soil Change in Asia	20	Status of the World's Soil Resources, FAO, Rome, Italy				287-329	2015
37	Đánh giá khả năng thích hợp đất đai cho một số cây trồng chính vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam	4	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam		1/3	11-18	2015	
38	Đặc điểm đất sản xuất nông nghiệp huyện Tiên Lữ - tỉnh Hưng Yên	3	Tạp chí Khoa học Đất		45	11-18	2015	
39	Ảnh hưởng của vi lượng B, Cu, Mo, Zn bón cho lúa trên đất xám bạc màu tại huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	3	Tạp chí Khoa học Đất		45	19-22	2015	
40	Đặc điểm và các yếu tố hạn chế của đất trồng mía vùng đồng bằng sông Cửu Long	4	Tạp chí Khoa học Đất		45	23-28	2015	
41	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp huyện Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên	2	Tạp chí Khoa học Đất		45	111-116	2015	
42	Ảnh hưởng của magiê đối với lúa trên đất xám bạc màu Bắc Giang	4	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		12	62-66	2015	
43	Đặc điểm tài nguyên đất nông nghiệp vùng miền núi Tây Bắc	5	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		14	3-10	2015	
44	Xu thế biến động độ phì nhiêu đất sản xuất nông nghiệp	4	Hội thảo Quốc gia “Đất Việt Nam - Hiện trạng sử dụng và thách thức”, NXB Nông nghiệp			87-96	2015	
45	Bước đầu đánh giá khả năng di thực sâm Ngọc Linh tại một số vùng có điều kiện sinh thái tương tự núi Ngọc Linh	7	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		3+4	102-108	2016	
46	Nghiên cứu ảnh hưởng của phân chuồng và phụ phẩm đến năng suất lúa trên đất xám bạc màu tại Hiệp Hòa - Bắc Giang	3	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam		62/1	75-78	2016	

47	Đánh giá thực trạng can xi, ma giê và lưu huỳnh trong đất xám bạc màu Bắc Giang	4	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			12	52-55	2016
48	Nghiên cứu hiện trạng sản xuất và cơ cấu cây trồng trên đất cát biển vùng Bắc Trung bộ	3	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			17	3-9	2016
49	Nghiên cứu mối quan hệ giữa tính chất lý-hóa học đất cát biển với một số cơ cấu cây trồng chính tại vùng Bắc Trung bộ	2	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			67/6	96-100	2016
50	Đặc điểm đất đai và yếu tố hạn chế trong đất nông nghiệp vùng Tây Bắc Việt Nam	2	Hội thảo Quốc gia về Khoa học cây trồng lần thứ 2, NXB Nông nghiệp				1031-1042	2016
51	Nghiên cứu xác định yếu tố hạn chế độ phì nhiêu của đất lúa đồng bằng sông Cửu Long	3	Hội thảo Quốc gia về Khoa học cây trồng lần thứ 2, NXB Nông nghiệp				1138-1143	2016
52	Sử dụng đồng vị bền $^{15}\text{N}$ xác định hiệu lực phân bón đậm cho cải bắp ( <i>Brassica oleracea</i> ) trên đất xám và phù sa	3	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			78/5	88-92	2017
53	Mối quan hệ giữa tính chất đất và hình thái, chất lượng quả nhãn lòng Hưng Yên	3	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			78/5	98-102	2017
54	Crop Nutrition for Vietnamese Robusta Coffee	7	Better Crops			102/3	1-4	2018
55	Polyhalite Effects on Black Pepper ( <i>Piper nigrum L.</i> ) Yield and Quality in the Central Highlands of Vietnam	4	International Fertilizer Correspondent			54	3-12	2018
56	Ảnh hưởng của phân polysulphate tới năng suất một số loại cây trồng trên đất xám bạc màu ở miền Bắc Việt Nam	4	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			89/4	65-70	2018

57	Nghiên cứu đất trồng mía tỉnh Tuyên Quang	4	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			90/5	40-45	2018
58	Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật trong đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh	4	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			90/5	54-59	2018
59	Đánh giá thực trạng ô nhiễm kim loại nặng trong đất nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh	3	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			93/8	102-107	2018
60	Nghiên cứu hiệu lực của phân đạm bón cho rau bắp cải và cải mèo tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	7	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			97/12	38-43	2018
61	Đặc điểm đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Nam Định	5	Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam			97/12	66-71	2018
62	Quantification of Three Dimensional Characteristics of Macrofauna Macropores and Their Effects on Soil Hydraulic Conductivity in Northern Vietnam	5		Frontiers in Environmental Science (IF 3,14)		7/31	1-10	2019
63	Tài nguyên đất và thực trạng thoái hóa đất tỉnh Vĩnh Phúc	4	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			1	11-17	2019
64	Xây dựng thang đánh giá độ phì nhiêu tầng đất mặt trồng lúa	3	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn			7	3-8	2019

7.2. Bằng phát minh, sáng chế:

TT	Tên bằng	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả

### C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28. tháng 6. năm 2019

Người đăng ký



Trần Minh Tiến

### D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

Viện Thổ nhưỡng Nông hóa xác nhận những nội dung thuộc thông tin cá nhân mà ứng viên Trần Minh Tiến đã kê khai là đúng.

Trong thời gian công tác tại Viện (từ năm 1996 đến nay), ông Trần Minh Tiến đã tham gia và chủ trì nhiều nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Sau khi được công nhận học vị tiến sĩ (năm 2010), ông Trần Minh Tiến đã tham gia công tác giảng dạy và đào tạo tại các cơ sở đào tạo: Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội; Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội; và Đại học Công nghiệp Hà Nội. Ông Trần Minh Tiến luôn hoàn thành xuất sắc công việc được giao, nhiều năm liên tục được công nhận là CSTĐ cấp cơ sở; được nhận khen thưởng: Huân chương Lao động hạng 2 của nước CHDCND Lào (2012); Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2012; Huy hiệu “Vì thế hệ trẻ” của TW Đoàn TNCS HCM (2015); Bằng khen của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (2016); Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2016; Bằng khen của BCH Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam năm 2016; Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” (2018).

Hà Nội, ngày 7. tháng 7. năm 2019

Thủ trưởng cơ quan

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)

